

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9 -24

3
A
2
H
T
A
H
7
M

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây trình bày báo cáo của mình và và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103026959, thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 10 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 0500239004.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 03 tháng 10 năm 2014, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 18.760.000.000 đồng. (Mười tám tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Huynh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Hải Vân	Thành viên
Ông Lê Văn Thục	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Văn Thục	Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Vũ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc khẳng định các vấn đề sau đây

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, Chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

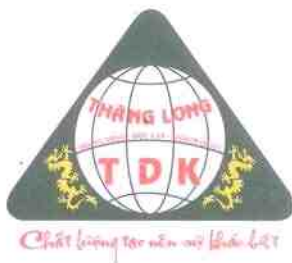
Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Lê Văn Thục



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSIT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tắt, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số. 207/201 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây, được lập ngày 02 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K



Tổng Giám đốc

Từ Quỳnh Hạnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0313 – 2014 – 045 – 1

Kiểm toán viên

Nguyễn Trung Kiên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1129 – 2014 – 045 – 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		70.683.834.192	68.729.196.412
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	35.148.112.142	43.096.586.037
1	Tiền	111		13.148.112.142	10.026.411.037
2	Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	33.070.175.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.000.000.000	0
1	Đầu tư ngắn hạn	121		3.000.000.000	0
3	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.762.393.933	25.014.042.005
1	Phải thu khách hàng	131	V.03	28.702.568.176	22.586.381.851
2	Trả trước cho người bán	132	V.04	1.860.000.000	413.504.154
5	Các khoản phải thu khác	138	V.05	1.218.629.751	2.014.156.000
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.803.994)	0
IV	Hàng tồn kho	140	V.06	762.090.117	464.686.526
1	Hàng tồn kho	141		762.090.117	464.686.526
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		11.238.000	153.881.844
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	53.459.149
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		0	100.422.695
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	11.238.000	0
B	Tài sản dài hạn	200		10.060.038.286	13.132.722.432
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II	Tài sản cố định	220		8.398.331.436	11.538.600.464
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.033.010.436	11.442.783.464
	- Nguyên giá	222		43.882.426.291	43.882.426.291
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.849.415.855)	(32.439.642.827)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	365.321.000	95.817.000
III	Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V	Tài sản dài hạn khác	260		1.661.706.850	1.594.121.968
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.661.706.850	1.594.121.968
	Tổng cộng tài sản	270		80.743.872.478	81.861.918.844

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		17.147.467.622	20.596.882.005
I	Nợ ngắn hạn	310		17.147.467.622	20.596.882.005
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2	Phải trả người bán	312	V.11	6.488.511.294	1.071.769.660
3	Người mua trả tiền trước	313		0	0
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.969.578.542	3.369.397.200
5	Phải trả người lao động	315		4.965.648.000	12.856.731.200
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		495.271.200	346.997.450
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.228.458.586	2.951.986.495
II	Nợ dài hạn	330		0	0
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		63.596.404.856	61.265.036.839
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	62.825.197.950	59.900.709.605
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.760.000.000	18.760.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		9.965.000	9.965.000
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		23.776.757.977	12.128.757.977
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		3.406.512.000	3.406.512.000
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.871.962.973	25.595.474.628
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.14	771.206.906	1.364.327.234
2	Nguồn kinh phí	431		(26.436.500)	(26.436.500)
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		797.643.406	1.390.763.734
	Tổng cộng nguồn vốn	440		80.743.872.478	81.861.918.844

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập



Đinh Ngọc Quyền

Kế toán trưởng



Vũ Kim Hoa

Giám đốc



Lê Văn Thục

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	95.281.198.567	114.402.596.180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	22.690.909	784.183.383
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.258.507.658	113.618.412.797
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	77.035.616.350	74.390.252.198
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.222.891.308	39.228.160.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	1.970.762.004	1.671.088.821
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	1.932.132	1.263.889
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.932.132</i>	<i>1.263.889</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.210.429.345	9.895.964.626
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.981.291.835	31.002.020.905
11. Thu nhập khác	31	VI.20	6.502.876.481	64.472.973
12. Chi phí khác	32	VI.21	381.655.706	6.440.000
13. Lợi nhuận khác	40		6.121.220.775	58.032.973
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.102.512.610	31.060.053.878
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	4.001.224.265	7.765.013.470
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.101.288.345	23.295.040.408
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.23	7.517	12.417

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập

Đinh Ngọc Quyền

Kế toán trưởng

Vũ Kim Hòa

Giám đốc



Lê Văn Thục

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	96.283.051.970	109.978.086.937
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(36.897.016.669)	(35.739.000.321)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(43.399.144.116)	(46.088.098.730)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(1.932.132)	(1.263.889)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(5.846.865.543)	(6.911.296.944)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.293.570.020	1.983.103.743
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(11.141.740.055)	(6.596.238.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.289.923.475	16.625.292.111
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	0	(198.582.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.500.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.839.784.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.937.000	1.671.088.821
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.608.279.000)	1.472.506.821
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.953.583.359	650.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.953.583.359)	(650.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.630.118.370)	(5.294.001.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.630.118.370)	(5.294.001.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.948.473.895)	12.803.797.732
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43.096.586.037	30.292.788.305
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	35.148.112.142	43.096.586.037

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập



Đinh Ngọc Quyền

Kế toán trưởng



Vũ Kim Hoa



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103026959, thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 10 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 0500239004.

Vốn điều lệ của Công ty là: 18.760.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Cổ đông nhà nước	485.893	4.858.930.000	25,9%
2	Cổ đông khác	1.390.107	13.901.070.000	74,1%
Tổng		1.876.000	18.760.000.000	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: thương mại, dịch vụ, xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- Kinh doanh dịch vụ giải trí trong công viên;
- Kinh doanh hoa, cây cảnh;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- Xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý mua, bán máy móc thiết bị vật tư, vật liệu chuyên dùng ngành môi trường đô thị, vật liệu xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (của doanh nghiệp vừa sản xuất kinh doanh, vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2014, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đối với tài sản cố định đặc thù
- Lãi vay phải trả
- Chi phí phải trả các công trình

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quỹ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

11.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
 - Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thụ hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính Kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

f

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tiền mặt	502.627.551	44.295.898
	Tiền gửi ngân hàng	12.645.484.591	9.982.115.139
	Các khoản tương đương tiền (*)	22.000.000.000	33.070.175.000
	Cộng	35.148.112.142	43.096.586.037
(*) Là khoản tiền gửi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng số tiền 9.000.000.000 đồng và khoản tiền gửi Ngân hàng Agribank có kỳ hạn 3 tháng số tiền 13.000.000.000 đồng			
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Tiền chớ Công ty TNHH SXDV và TM Quang Minh vay	3.000.000.000	0
	Cộng	3.000.000.000	0
3	Các khoản phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ban duy tu Sờ XD	9.730.715.000	1.864.785.000
	Ban đầu tư XD thị xã Sơn Tây	13.240.849.682	17.494.219.825
	Học viện Biên phòng	34.650.000	0
	Hợp tác xã Thành Công	18.803.994	18.803.994
	Trường sỹ quan pháo binh	39.000.000	29.640.000
	Phòng quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	497.291.500	472.127.500
	Công ty môi trường và công trình đô thị Ba Vi	87.270.000	87.270.000
	Phòng tài nguyên và môi trường huyện Phúc Thọ	4.961.204.000	100.130
	BQL vốn sự nghiệp đảm bảo VSMT thị xã Sơn Tây	0	2.563.245.402
	Công ty TNHH SXDV và thương mại Quang Minh	76.824.000	0
	Khách hàng khác	15.960.000	56.190.000
	Cộng	28.702.568.176	22.586.381.851
4	Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	Công ty CP Công nghiệp môi trường 9- URENCO9	1.860.000.000	0
	Công ty TNHH Khang Minh	0	150.000.000
	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	0	137.304.154
	Khách hàng khác	0	126.200.000
	Cộng	1.860.000.000	413.504.154

5	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	Ban duy tu các công trình hạ tầng đô thị (cho vay mượn kinh phí tạm cư, phun thuốc)	708.877.851	909.013.000
	Trung tâm y tế huyện Ba Vi (CP phun thuốc phòng chống dịch bệnh tại khu XLR)	424.656.000	40.000.000
	Công ty TNHH SXDV và Thương mại Quang Minh	0	1.000.000.000
	Phải thu khác	85.095.900	65.143.000
	Cộng	1.218.629.751	2.014.156.000
6	Hàng tồn kho	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	- Nguyên liệu, vật liệu	328.301.402	373.337.628
	- Công cụ dụng cụ	7.000.000	7.000.000
	- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	168.650.000	0
	- Thành phẩm	258.138.715	84.348.898
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	762.090.117	464.686.526
7	Tài sản ngắn hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.238.000	0
	- Ký quỹ bảo lãnh ký hợp đồng	11.238.000	
	Cộng	11.238.000	0

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
 Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tài sản công cộng được giao quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	4.020.237.000	25.543.824.677	30.000.000	784.041.600	13.504.323.014	43.882.426.291
Số dư cuối năm	4.020.237.000	25.543.824.677	30.000.000	784.041.600	13.504.323.014	43.882.426.291
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.656.315.458	18.285.470.539	30.000.000	354.297.550	12.113.559.280	32.439.642.827
- Khấu hao trong năm	406.882.896	2.224.473.664	0	185.296.140	593.120.328	3.409.773.028
Số dư cuối năm	2.063.198.354	20.509.944.203	30.000.000	539.593.690	12.706.679.608	35.849.415.855
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	2.363.921.542	7.258.354.138	0	429.744.050	1.390.763.734	11.442.783.464
2. Tại ngày cuối năm	1.957.038.646	5.033.880.474	0	244.447.910	797.643.406	8.033.010.436

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí đầu tư xây dựng trụ sở mới	365.321.000	95.817.000
Cộng	<u>365.321.000</u>	<u>95.817.000</u>
10 Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dần	1.661.706.850	1.594.121.968
Cộng	<u>1.661.706.850</u>	<u>1.594.121.968</u>
11 Phải trả người bán		
Doanh nghiệp tư nhân thương mại XD Đức Thắng	73.899.210	80.234.176
Công ty TNHH Khang Minh	15.143.400	0
Công ty CP chiếu sáng LED và thiết bị công nghệ	47.491.200	0
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại	6.086.219.484	367.378.484
Quang Minh	0	300.030.000
Cty CP tư vấn điện chiếu sáng Bình Minh	265.758.000	324.127.000
Khách hàng khác	6.488.511.294	1.071.769.660
Cộng	<u>6.488.511.294</u>	<u>1.071.769.660</u>
12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng	1.351.938.602	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.605.031.590	3.331.754.200
- Thuế thu nhập cá nhân	12.608.350	37.643.000
Cộng	<u>2.969.578.542</u>	<u>3.369.397.200</u>

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu
13.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	2	6	7	9	10
A						
- Số dư đầu năm trước	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	4.781.740.755	39.086.975.732
- Tăng vốn trong năm trước					23.295.040.408	23.295.040.408
- Lãi tăng trong năm trước					29.212.321	29.212.321
- Tăng khác					(2.063.600.000)	(2.063.600.000)
- Trả cổ tức					(446.918.856)	(446.918.856)
- Giảm khác					25.595.474.628	59.900.709.605
- Số dư cuối năm trước	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	25.595.474.628	59.900.709.605
- Số dư đầu năm nay	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	14.101.288.345	14.101.288.345
- Lãi tăng trong năm			11.648.000.000		(17.472.000.000)	(5.824.000.000)
- Trích lập các quỹ					(5.252.800.000)	(5.252.800.000)
- Trả cổ tức					(100.000.000)	(100.000.000)
- Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm nay	18.760.000.000	9.965.000	23.776.757.977	3.406.512.000	16.871.962.973	62.825.197.950

(*) Theo Nghị quyết số 04-NQ/HĐQT-CT Nghị quyết phiên họp hội đồng quản trị ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty quyết định trích 100.000.000 đồng từ lợi nhuận để thiết thực tri ân và hỗ trợ hoạt động của Thị xã.

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các Cổ đông	18.760.000.000	18.760.000.000
- Cổ đông nhà nước	4.858.930.000	4.858.930.000
- Cổ đông khác	13.901.070.000	13.901.070.000
Cộng	18.760.000.000	18.760.000.000

13.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.876.000	1.876.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Cộng	1.876.000	1.876.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

14. Nguồn kinh phí và quỹ khác

	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số dư đầu năm	(26.436.500)	1.390.763.734	1.364.327.234
Tăng trong năm	0	0	0
Giảm trong năm	0	(593.120.328)	0
Giảm do trích khấu hao	0	(593.120.328)	(593.120.328)
Số dư cuối năm	(26.436.500)	797.643.406	771.206.906

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
15	Doanh thu bán hàng		
	Doanh thu bán hàng	1.190.645.453	1.865.910.811
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.090.553.114	112.536.685.369
	Cộng	95.281.198.567	114.402.596.180
16	Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Hàng bán bị trả lại	22.690.909	784.183.383
	Cộng	22.690.909	784.183.383
17	Giá vốn hàng bán		
	Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.160.338.343	1.120.492.910
	Giá vốn cung cấp dịch vụ	75.875.278.007	73.269.759.288
	Cộng	77.035.616.350	74.390.252.198
18	Doanh thu hoạt động tài chính		
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.970.762.004	1.671.088.821
	Cộng	1.970.762.004	1.671.088.821
19	Chi phí tài chính		
	Chi phí lãi vay	1.932.132	1.263.889
	Cộng	1.932.132	1.263.889
20	Thu nhập khác		
	Thanh lý công cụ dụng cụ	30.988.186	0
	Doanh thu từ các năm trước	296.785.295	0
	Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương năm 2013 (*)	6.105.263.000	0
	Thu nhập khác	69.840.000	64.472.973
	Cộng	6.502.876.481	64.472.973
(*) Là khoản hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương Công ty đã trích lập trong năm 2013, tới thời điểm 31/12/2014 chưa chi trả cho người lao động			
21	Chi phí khác		
	Tiền phạt theo biên bản phạt thuế	223.063.229	
	Chi phí khác	158.592.477	6.440.000
	Cộng	381.655.706	6.440.000

22	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
		Năm nay	Năm trước
	Chi tiêu		
	Tổng lợi nhuận kế toán	18.102.512.610	31.060.053.878
	Doanh thu đã tính thuế theo biên bản thanh tra thuế	296.785.295	0
	Chi phí không hợp lý, hợp lệ	381.655.706	0
	Lợi nhuận tính thuế từ hoạt động kinh doanh	18.187.383.021	31.060.053.878
	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.001.224.265	7.765.013.470
	Cộng	4.001.224.265	7.765.013.470
		Năm nay	Năm trước
23	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.101.288.345	23.295.040.408
	Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	1.876.000	1.876.000
	Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.517	12.417
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc các cổ đông của Công ty (Bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	35.148.112.142	35.148.112.142
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng	28.702.568.176	28.683.764.182
- Trả trước cho người bán	1.860.000.000	1.860.000.000
- Phải thu khác	1.218.629.751	1.218.629.751

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2014

- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	0
- Phải trả người bán	6.488.511.294
- Người mua trả tiền trước	0
- Phải trả khác	495.271.200

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	6.488.511.294	0	6.488.511.294
- Người mua trả trước	0	0	0
- Phải trả khác	495.271.200	0	495.271.200
- Vay ngắn hạn	0	0	0
- Vay dài hạn	0	0	0

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu tại Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán MHD

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập

Đinh Ngọc Quyền

Kế toán trưởng

Vũ Kim Hoa

